TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2017/HNGĐ-PT

Ngày 12 tháng 9 năm 2017

V/v " Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Chí Trung

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Hiếu

Bà Nguyễn Thị Hạnh

-Thư ký phiên toà*:* Bà Lê Thị Thuý Hằng-Cán bộ TAND TP Đà Nẵng.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Trâm-Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2017/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2017 về việc *"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung"*, do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 84/2017/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 82/2017/QĐ-PT ngày 31 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2017/QĐ-PT ngày 08 tháng 9 năm 2017 giữa:

-Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Tổ X1, phường M, quận Ngũ S, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

-*Bị đơn:* Bà Trần Thị D, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Tổ X1, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Thanh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

-Tại đơn khởi kiện, tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa ông Nguyễn Thanh D trình bày:

Tôi và bà Trần Thị D kết hôn vào năm 2013, đăng kí tại UBND xã D, huyện N, tỉnh N.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Đến năm 2014 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không phù hợp, bất hòa trong cuộc sống. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng nhưng đến nay mâu thuẫn càng trầm trọng nên bà D dẫn con bỏ đi từ ngày 13/01/2017. Từ đó đến nay tôi không được gặp con, khi tôi đến thăm con thì gia đình bà D ngăn cản, không cho gặp.

Từ khi bà D bỏ đi, tôi thuê trọ ở X4 đường T, quận C, thành phố Đà Nẵng, sau đó chuyển qua thuê trọ tại X11 đường T, thành phố Đà Nẵng. Hiện nay tôi đang sống tại X08 đường B thành phố Đà Nẵng, nhà của đồng nghiệp.

Nay tôi không còn tình cảm và không muốn kéo dài cuộc sống chung với bà D nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với bà Trần Thị D.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thanh Â, sinh ngày 22/3/2014. Ly hôn, tôi giao con cho bà D nuôi dưỡng và cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

-Bà Trần Thị D trình bày: Tôi xác nhận lời trình bày của ông Nguyễn Thanh D về thời gian và điều kiện đăng ký kết hôn.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng đôi khi có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông D hay đi sớm, về khuya, ăn chơi nhậu nhẹt, thiếu trách nhiệm với gia đình, ông D còn đánh đập tôi gây thương tích. Vì không ai ra can ngăn, bảo vệ nên tôi cảm thấy uất ức và bất an, sợ bị bạo hành nhiều lần nữa nên tôi về sống chung với bố mẹ ruột vào ngày 13/01/2017.

Ông D không hề hối lỗi mà còn dọn đến sống chung với người phụ nữ khác tại phòng X02, khu XT1 đường T, phường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng và bị bắt quả tang ngay trong đêm 01/3/2017 rạng sáng ngày 02/3/2017. Vụ việc đã được Công an phường Đ, quận T lập biên bản giải quyết.

Từ sau khi vụ việc xảy ra ngày 13/01/2017, tôi về sống chung với bố mẹ ruột tại thôn L, xã M, thị xã B, tỉnh N. Trong việc mâu thuẫn gia đình, tôi là người không có lỗi.

Hiện nay tôi vẫn còn tình cảm với ông D và mong muốn vợ chồng sống đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái, tôi không ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là Nguyễn Thanh Â, sinh ngày 22/03/2014. Nếu ly hôn, tôi có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Với nội dung trên, án sơ thẩm đã xử và quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Bác đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Thanh D đối với bà Trần Thị D. Ông Nguyễn Thanh D và bà Trần Thị D sống đoàn tụ nuôi dạy con cái khôn lớn, trưởng thành.

Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, ông Nguyễn Thanh D phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai

thu số: 0004099 ngày 20/01/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra bản án còn thông báo về quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh D kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị D và yêu cầu bà Trần Thị D không được ngăn cản việc thăm non con của ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm; Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại Bản án sơ thẩm số: 84/2017/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 7 năm 2017, Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng đã bác đơn của ông Nguyễn Thanh D về việc xin ly hôn đối với bà Trần Thị D. Ông D kháng cáo xin được ly hôn bà D.

[2] Lý do để ông D xin ly hôn bà D, theo ông D là do bà D và ông không phù hợp về quan điểm, vợ chồng thường xuyên xãy ra mâu thuẫn. Xét thấy: nguyên nhân để vợ chồng xảy ra bất đồng là do ông D chưa chuẩn mực trong cư xử cũng như trong sinh hoạt đời thường. Mặc dù về mặt pháp luật chưa có căn cứ để xác định ông D có quan hệ tình cảm với bà Đặng Phương T hay không nhưng việc ông D viện lý do này, lý do khác để về ở chung cùng với bà T tại Phòng X02, khu XT1 đường T, phường Đ, đã làm cho tình cảm vợ chồng vốn chưa thuận hòa nay lại có điều kiện phát sinh mâu thuẫn và cũng là nguyên nhân dẫn đến việc bà D gửi đơn đến cơ quan Công an phường Đ, kiểm tra, xử phạt

hành chính ông D và yêu cầu cơ quan nơi ông D công tác can thiệp, giải quyết việc gia đình giữa bà và ông D.

[3] Trong đời sống hôn nhân giữa ông D và bà D, HĐXX không khẳng định lỗi thuộc về riêng ai nhưng điều cần lưu ý, chính ông D là người đã làm cho mâu thuẫn vợ chồng vốn chỉ mới phát sinh, không đến mức trầm trọng nhưng lại khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án. Ông D, bà D mới bước vào những năm đầu của cuộc sống vợ chồng, tất nhiên không tránh khỏi những điểm chưa đồng thuận của hai cá thể, do đó cần có thời gian để vợ chồng hàn gắn tình cảm, cùng nhau khắc phục những bất đồng trong cuộc sống. Sau một thời gian nhất định, thực sự vợ chồng không thể hàn gắn được, lúc đó các bên đặt vấn đề ly hôn vẫn chưa muộn. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông D về việc xin ly hôn bà D là thõa đáng. Cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông D. Giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa.

[4] Do không chấp nhận yêu cầu của ông D về việc xin ly hôn bà D nên HĐXX không đề cập đến con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông D phải chịu án phí HNGĐ phúc thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 luật Hôn nhân gia đình.

1/ Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh D. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 84/2017/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

1.1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thanh D về việc xin ly hôn đối với bà Trần Thị D.

1.2.Án phí HNGĐ-ST: Nguyễn Thanh D phải chịu 300.0000đ được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí HNGĐ-ST ông D đã nộp (biên lai số: 004099 ngày 20/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng).

2/Án phí HNGĐ-PT: Ông Nguyễn Thanh D phải chịu 300.0000đ được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí HNGĐ-PT ông D đã nộp (biên lai số: 0004336 ngày 28/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng).

3/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên.

Nơi nhận:
-VKSND TP Đà Nẵng;
-TAND quận S;
-Chi cục THADS quận S;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký
Trương Chí Trung